

Bài Tường Trình của Tom Polgar về Những Ngày Tháng Tư

Nước Mắt Trước cơn Mưa, nguyên tác Anh Ngữ "Tears Before The Rain" là một tập sử liệu về sự sụp đổ của miền Nam Việt Nam, do Larry Engelmann, Giáo Sư Đại Học San Jose State thực hiện bằng phương pháp phỏng vấn nhiều thành phần: người Mỹ, người Việt, kẻ thắng người bại ... Những cuộc phỏng vấn này khởi sự từ 1985, sách xuất bản năm 1990. Bản dịch Việt Ngữ do nhà văn Nguyễn Bá Trạc thực hiện năm 1993, xuất bản năm 1995 tại California.



Thomas Polgar
(Chỉ huy Trung ương Tình báo Mỹ tại Việt Nam)

Hiểu ý định địch quân không khó vì Bắc Việt không giữ bí mật phương hướng, đường lối. Họ thường cho cán bộ học tập kỹ lưỡng cả đến những chi tiết đáng ngạc nhiên về những gì họ làm, hơi giống kiểu Hitler và cuốn Mein Kampf. Họ thường nói trước những gì họ sẽ làm, chúng ta thường không tin những gì họ đã nói. Còn chính sách Hoa Kỳ thì đơn giản là không đáp ứng những tin tình báo mà chúng tôi thu lượm. Xin đưa thí dụ: Mùa thu 1974, chúng tôi tìm ra được những báo cáo của Hà Nội nói Nixon đã đổ, chúng ta sẽ chơi một trận cầu mới, chúng ta sẽ có nhiều thử nghiệm trong phạm vi quân sự. Tôi xem các tài liệu này rất hệ trọng. Bắt đầu vào tháng 10, 1974, khi tìm được phương án hoạt động 75, tôi lái xe xuống Biên Hoà nói chuyện với viên Trưởng Nhiệm sở Tình báo vùng, nơi họ bắt được phương án này, chúng tôi đã bàn thảo và đi đến kết luận: Cái giọng trong văn kiện này tương đồng khủng khiếp với cái giọng của tập tài liệu 90 nguyên tắc chỉ đạo do Trung ương cục miền Nam đưa ra vài tháng trước cuộc tổng công kích 1972.

Một hôm, tôi có dịp hỏi ý kiến Kissinger về hoạt động tình báo của chúng ta, không phải chỉ riêng ở Việt Nam, mà nói chung. Lúc ấy, ông đang tiếp nhận một lưu lượng khổng lồ các tin tức do Trung ương Tình báo từ khắp nơi trên thế giới gửi về. Tôi hỏi ông nghĩ thế nào về giá trị ngành tình báo chúng ta? Ông suy nghĩ một lúc, rồi trả lời: "*Khi nó hỗ trợ cho chính sách của tôi, nó rất hữu ích!*" Tôi nghĩ: Đấy, chính đấy là tâm điểm vấn đề. Vấn đề là chính sách Mỹ không được thiết lập để đáp ứng với tin tức do tình báo thâm nhập được nhưng chúng ta thiết lập chính sách trước, rồi cố tìm kiếm các tin tức tình báo để hỗ trợ chính sách ấy mà thôi.

Ở Việt Nam lúc đó có ba nguồn tình báo chính: Quân báo, sở An ninh Quốc gia và Trung ương Tình báo. Chúng tôi không bao giờ gặp những trường hợp tin tức nghịch chiều. Chưa bao giờ Văn phòng Tình báo - Văn phòng Tùy viên Quân sự đưa ra những quan điểm hoàn toàn khác biệt với quan điểm những cơ quan tình báo bạn. Chúng tôi phối hợp chặt chẽ với Bill Legro, người chỉ huy tình báo thuộc Văn phòng Tùy viên Quân sự suốt phần lớn thời gian kể từ sau Hiệp định Ba-Lê. Nhưng trở ngại là chính sách Hoa Kỳ đã được đặt trên căn bản của một tiền đề: Tiền đề đó là Chiến tranh Việt Nam đã chấm dứt. Quân đội Hoa Kỳ đã rút. Và chắc chắn, Tổng thống Ford sẽ không để cho hy vọng tái bầu cử của ông bị đe dọa vì việc có thể đưa quân Mỹ trở lại Việt Nam.

Vào năm 1974, chúng ta đã không gửi tiếp vận cho Nam Việt Nam đúng kỳ hạn. Chúng ta đã chậm trễ trong việc thi hành các nghĩa vụ đồng minh. Lúc ấy, tôi báo cáo: Nếu người miền Nam Việt Nam mất tin tưởng vào sự hỗ trợ của Hoa Kỳ, họ sẽ sụp đổ. Tôi nhấn mạnh vào sự tin tưởng-vào tinh thần của họ, hơn là vào cả cái mức độ thực sự của việc yểm trợ quân sự.

Có năm sự kiện xảy ra trong năm 1973 dù không liên quan gì đến Việt Nam, nhưng đã ảnh hưởng trầm trọng đến họ.

- Trước hết, cuộc chiến Ả Rập/Do Thái đã làm đổi hướng Bộ Quốc phòng Mỹ và đổi hướng nguồn quân vận sống chết của Nam Việt Nam.
- Tiếp đến việc phong tỏa dầu lửa, giá dầu thô tăng vọt làm kinh tế Nam Việt Nam bị va chạm, thiệt hại nặng.
- Rồi các nhược điểm trong chính sách ngoại giao Mỹ đã tạo nên những phản ứng tâm lý mạnh mẽ chống lại việc tiếp tục các cam kết ngoại giao đắt giá.
- Rồi việc quân nhân đảo chánh, hạ bệ Salvador Allende ở Chí Lợi làm công luận thuộc Khuynh hướng Tự do và Khuynh hướng Tả phái tức giận, họ trút sang đầu Nam Việt Nam.
- Sau nữa, quốc hội vì ghê tởm vụ bưng bít Watergate, đã tìm cách trừng phạt Nixon, nên cũng gộp luôn cả Việt Nam vào vụ này.

Tôi nghĩ ông Thiệu hiểu rất rõ: Không có Mỹ, ông không thể tồn tại được. Tôi cũng biết Hoàng Đức Nhã, cháu ông Thiệu rất nhiều. Nhã đã học bốn năm đại học ở Mỹ, còn hiểu rõ hơn cái bản chất bất định của nền chính trị Hoa Kỳ, những sự lên xuống thuần túy chỉ do áp lực nội bộ gây ra, thường chẳng liên quan đến đề mục ngoại giao, mà lại ảnh hưởng lớn đến liên hệ ngoại giao. Nhưng làm thế nào một người như Thiệu có thể nhận thức thấu đáo sinh hoạt quốc hội Mỹ, trong khi cách làm việc của ông là chỉ coi quốc hội của ông như một công cụ khúm núm quy lụy mà thôi?

Vụ thất thủ Phước Long xảy ra đầu năm 1975 không quan trọng về phương diện quân sự, nhưng cực kỳ quan trọng ở phương diện tiêu biểu: **Nước Mỹ đã từ chối không thực hiện lời Nixon hứa với Thiệu rằng sẽ “trả đũa mạnh mẽ và toàn bộ.”** Quân Bắc Việt thử nghiệm xong, tất nhiên được đảng chân, lân đảng đầu, họ sẽ tiến sâu hơn nữa.

Khi phái đoàn quốc hội Hoa Kỳ đến Việt Nam, tôi nghĩ cách hành xử của Fraser và Abzug không tha thứ được. Ngay khi bước vào phòng, Abzug lên tiếng hỏi: “*Trong mấy người ở đây, ai là Polgar?*” Tôi tự giới thiệu. Bà ta nói: “*Tốt! Tôi đã được người ta cảnh giác về ông.*” Bấy giờ có một lãnh tụ sinh viên bị nhốt tù, anh này có đôi chút tiếng tăm ở Mỹ. Bà Abzug đầu tiên bảo anh ta chắc chết rồi, Nam Việt Nam giết hẳn rồi. Tôi bảo “*Không. Nam Việt Nam không làm như vậy. Họ có thể xác định được bất cứ người nào ở đâu trong tù.*” Bà ta bảo: “*Xác định người này xem.*” Chúng tôi xác định ra được địa điểm giam anh ta là ở vùng 3, Tuy Hoà. (Ghi chú của người dịch: Có lẽ là Biên Hòa) Bà bèn bảo bà ấy muốn phỏng vấn. Nhưng đi xe hơi xa quá, phải có trực thăng, bà ấy lại chỉ có thể đi sáng chủ nhật, thực bất tiện cho tất cả mọi người. Nhưng cũng đành, chúng tôi thu xếp trực thăng, thu xếp thủ tục thăm tù. Sau khi tất cả lo liệu xong, bà ấy nói: “*À, tôi không lưu ý vụ này nữa*” và không bao giờ đi gặp người sinh viên này nữa.

Cùng đi trong phái đoàn có Millicent Fenwick. Bà này tuy không có cảm tình với Nam Việt Nam nhưng vẫn còn cư xử đảng hoàng, đã theo dõi lắng nghe các buổi thuyết trình. Nhưng Abzug và Fraser hết sức quá quắt. Tổng thống Thiệu mời cả phái đoàn dự tiệc, hai người này thần nhiên không dự. Họ chẳng đếm xỉa nghi lễ, không buồn từ chối. Họ lẳng lẳng không đến. Trước buổi tiệc ấy là tiếp tân của thủ tướng, họ đến, nhưng họ không thò mặt vào buổi tiệc của tổng thống. Rồi đại sứ cũng mời phái đoàn dùng cơm chiều. Tất cả mọi người đến, trừ Abzug. Tôi rất thất vọng, vì chính tôi đã được xếp ngồi ngay cạnh bà ta.

Về vụ tấn công Ban Mê Thuột ngày 5 tháng 3, tôi không tin có ai đã đoán trước được, nhưng hầu hết mọi người đều biết một cuộc tấn công lớn sẽ xảy ra ở cao nguyên trung phần. Chúng tôi biết họ sẽ cắt đường, sẽ đưa vào nhiều sư đoàn. Tất cả đều đã xảy ra đúng như vậy, nhưng Hoa Thịnh Đốn không bao giờ chấp nhận tin tức tình báo của chúng tôi. Họ không chấp nhận vì (Chúng ta đang bước vào chuyện xuất xứ các nguồn tin và những phương pháp thu nhập tin tức tình báo, chẳng rõ tôi có nên nói ra ở đây không) Nhưng sự kiện xảy ra là giới tình báo Hoa Thịnh Đốn đã không sử dụng tin tức tình báo từ Việt Nam do Văn phòng Tùy viên Quân sự và sở Trung ương Tình báo chuyển đến, nói rằng sẽ có một cuộc tấn công lớn tại cao nguyên vào năm 1975. **Họ từ chối không chịu tin điều ấy. Còn miền Nam Việt Nam thì chẳng có được một quan niệm chiến thuật riêng tư nào, ngoài việc đặt một trung đoàn chỗ này, đưa một trung đoàn ra chỗ kia để phòng vệ.** Trung đoàn tăng cường Ban Mê Thuột không đủ đương đầu tình hình, họ cũng không được may mắn. Những lực lượng này dùng để giữ các địa phương thì tốt, họ tỏ ra đặc lực để đối đầu vài trận tấn công. Tuy nhiên họ không phải là loại binh đội được huấn luyện và trang bị để chiến đấu với các đơn vị chính quy chủ lực có chiến xa tăng cường.

Sau khi mất Ban Mê Thuột, ông Thiệu họp với tướng Phạm Văn Phú tại Cam Ranh, ban lệnh triệt thoái cao nguyên. Tôi nhớ buổi họp ấy nhằm thứ sáu. Phú cho thực hiện kế hoạch vào thứ bảy. Nhận tin sáng thứ bảy ấy, tôi chạy theo tướng Charles Timmes ra Tổng Tham mưu, và nói rằng “*Tôi chẳng biết chuyện trời đất gì đang xảy ra đây nữa!*” Tôi cho một phụ tá cao cấp đi gặp tướng Đặng Văn Quang, Cố vấn An ninh của Thiệu, hỏi chuyện gì đang xảy ra ở vùng II. Quang bảo: “*Ông thấy, tình hình không được tốt. Chúng tôi không mở đường lại được, chúng tôi đang lo ngại về tình hình và sẽ phải thay đổi vị trí một vài đơn vị - chớ chẳng có chuyện gì xảy ra ở vùng II cả.*” **Hiển nhiên, ông Quang không hay biết ông Phú đang di tản.**

Tướng Timmes vào Tổng Tham Mưu Việt Nam, nhưng không gặp tướng Cao Văn Viên, Tổng Tham mưu Trưởng. Mọi sự ở đấy có không khí của một buổi sáng thứ bảy. Nhưng ông đã gặp tướng Trần Đình Thọ, là Trưởng phòng hành quân để hỏi thăm tin tức vùng II. Ông Thọ nói: “*Còn có cái gì xảy ra mà quý ông không*

hay biết cả đâu?” **Rõ rệt, Bộ Tổng Tham Mưu cũng không biết gì việc ông Phú đang triệt thoái.** Sau đó tôi nhận tin trực tiếp từ Pleiku gửi về. Phó Đại sứ Wolf Lehman bấy giờ đang bận một số chuyện lật vạt. Joe Bennett, sĩ quan chính trị đang bận đi chữa răng. Tôi điện thoại cho Moncrieff Spear, Tổng Lãnh sự ở vùng II, bảo ông ta: “*Tốt hơn hết ông nên chuyển người của ông ra khỏi Pleiku, theo chỗ tôi hiểu: người ta đang di tản.*” Ông ta nói: “*Anh khùng à?*” Bấy giờ ông ta đang ở Nha Trang, vùng duyên hải, tôi bảo: “*Không, tôi có lý do để tin những việc đang xảy ra.*” Ông ta nói: “*Có phải anh ra lệnh cho tôi di tản Pleiku đấy chẳng?*” Tôi bảo: “*Ông biết thừa tôi không thể làm thế. Nhưng tôi có thể kết luận nếu khôn ngoan thì hãy di tản ngay đi.*”

Có một điểm tôi muốn nêu ra đây về tướng Phú trong buổi sáng hôm ấy. Bất kỳ công trạng trước đây của ông thế nào, không kể, nhưng bây giờ ông ta đã hoàn toàn không phối hợp với chúng tôi. Ông ta không thông báo cả cho Tổng Lãnh sự là người mà ông bắt buộc phải thông báo, vì đây là đại diện chính thức của Hoa Kỳ tại vùng II. Ông Quang cũng không biết chuyện gì đang xảy ra, ông ta có vẻ của một người bận rộn, nhưng thực tình chỉ lảng xãng giết thì giờ. Còn ông Thọ Trường phòng hành quân, cũng thế, chẳng hay biết gì cả. Trong sự suy đoán của tôi: **Những việc xảy ra đó là do tướng Phú hiểu lầm những gì Tổng thống Thiệu nghĩ trong đầu, rồi tự khởi xướng một kế hoạch hành động,** không biết việc ấy trong thực tế sẽ khó khăn đến đâu. Thực tế cuộc di tản ấy không thành công. Mọi cuộc triệt thoái sớm hay muộn đều là một sự thất bại khủng khiếp. Quân đội Bắc Việt bắt kịp cuộc di tản của tướng Phú. Chiến xa của họ đâm ra từ các đường nhánh, gặp đoàn quân tại Phú Bổn. Cuộc tàn sát đã diễn ra ở đây.

Trước buổi họp Cam Ranh, tôi liên lạc với Hoa Thịnh Đốn để ghi nhận cuộc chơi đã xong. Tôi nhớ tôi nói chuyện với một viên chức có liên hệ khá chặt chẽ với tôi (xin miễn đưa tên), ông ta bảo: “*Nam Việt Nam không thể nào tiêu hoá nổi việc mất Ban Mê Thuật cùng với cái hậu quả tất yếu của nó là mất toàn thể cao nguyên.*” Ông là một sĩ quan cấp tướng.

Lúc ấy vẫn chưa có gì xảy ra ở vùng I. Rồi tai họa bắt đầu. **Thiệu quyết định rút cả Thủy quân Lục chiến lẫn Nhảy dù khỏi vùng I. Quyết định này giống như chọt rút đi cái chiếu trong lúc tướng Trường còn đang đứng trên ấy, nó làm ông ta hồng căng.**

Tiếp đến, mất cả sư đoàn Thủy quân Lục chiến. Họ trở nên vô dụng, vì **đầu tiên người ta ra lệnh triệt thoái, sau lại ra lệnh “quay đằng sau, quay,” để quay trở lại!** Đó là chuyện bất khả thi về phương diện quân sự. Sư đoàn Thủy quân Lục chiến mất rất nhiều chiến cụ vì không thể nào lấy ra được trong cái dòng người tỵ nạn tràn lan. **Lúc này ông Thiệu đang ngoi ngóp trong biển nước, ông cố bám lấy vài cọng cỏ. Nhưng lúc này ông có làm bất cứ cái gì cũng không còn có thể thay đổi tình thế lại được nữa. Cuộc chơi đã xong.** Tôi tin tưởng chắc chắn rằng khi người Việt Nam có cảm tưởng chúng ta sắp chạy, tất cả sẽ sụp đổ. Điều này, tôi hoàn toàn đồng ý với đại sứ Martin. Ông đại sứ lúc ấy đã rời Việt Nam sang Mỹ cùng với phái đoàn quốc hội. Ông nghĩ ông có thể vận động được một vài dân biểu, ông sẽ cố ra điều trần trước quốc hội. Đến Hoa Thịnh Đốn, người ta phát hiện tình trạng sức khoẻ của ông cần giải phẫu, việc này đã làm chuyển về của ông chậm trễ. Không muốn mọi người phải quan tâm nhiều, ông đi xuống North Carolina mổ, ngay Bộ Ngoại giao cũng không biết liên lạc với ông ở đâu. Ông là một người kín đáo. Ông trở lại Việt Nam cuối tháng Ba, trước khi Đà Nẵng mất và chuyến C-5A bị rơi. Về vụ chiếc C-5A thì thoạt đầu đề nghị chuyển vận các cô nhi đi bằng máy bay hoàn toàn chỉ có mục đích vận động nhân tâm. Phó Thủ tướng kiêm Tổng trưởng Y tế, cũng là bác sĩ y khoa - Bác sĩ Đán - cảm thấy cần phải làm một cái gì về các cô nhi. Đại sứ Martin và vài cố vấn cũng cảm thấy **nếu đưa được các cô nhi sang Mỹ hàng loạt thì việc này có thể vận động tình cảm công chúng Mỹ, nó sẽ là một câu chuyện kích động lòng xót xa con người.**

Cùng lúc ấy, Văn phòng Tùy viên Quân sự lại có nhiều nhân viên phụ nữ sẵn sàng di tản, nhưng người ta không thể cấp thông hành cho họ vì Hoa Kỳ chưa chính thức di tản. Như thế ai sẽ trả phí tổn di chuyển bằng đường hàng không từ Việt Nam, Hoa Kỳ chẳng? Nên tôi nghĩ có thể xếp đặt cho họ vào những chuyến máy bay quân đội còn trống, xem họ như những người đi kèm các cô nhi, như thế khỏi lo liệu vấn đề lộ phí, tiền bạc. Chính vợ tôi cũng đi với tư cách người kèm cô nhi, nhưng rồi vợ tôi tình cờ đã lên một chiếc máy bay dân sự thuộc hãng Cathay Pacific, đúng một ngày với chuyến C-5A bị rơi.

Tôi có hai bác sĩ thuộc Trung ương Tinh báo, nhân viên của tôi, khi máy bay rớt đã đi khiêng xác chết, xác của những đứa trẻ nhỏ bé này, vào bệnh viện Cơ Đốc ở Sài Gòn. Một trong hai bác sĩ ấy mang theo máy ảnh, chụp rất nhiều hình. Khi tôi đưa những tấm ảnh này cho đại sứ coi, ông suy nghĩ khá lâu xem có nên công bố hay không. Nhưng ông kết luận **những bức ảnh này quá rõ ràng, quá đẹp, màu sắc sống động, với hình ảnh**

các thân thể nát vụn của đàn bà trẻ con, thay vì kích động lòng thương xót, lại tạo ảnh hưởng xấu, nên người ta quyết định không công bố nữa.

Vài ngày trước hôm Thiệu từ chức, một nhân viên cao cấp người Hung Gia Lợi thuộc ủy ban quốc tế kiểm soát đình chiến đến gặp tôi, anh ta nói: “*Này ông bạn, phải thực tế chút chứ? Ông phải biết các ông đã thua trận chiến này.*” Tôi bảo: “*Ồ kê, tôi nhìn nhận: Trận chiến đã bại rồi.*” Anh ta nói: “*Mỗi cuộc thất trận đều tạo nên nhiều hậu quả chính trị.*” Tôi bảo: “*Đồng ý.*” Anh ta nói: “*Hiển nhiên những hậu quả chính trị này sẽ gây nhiều cay đắng. Nhưng bên phía mà tôi đại diện...*” Anh ta bỏ lửng, không nói đại diện cho ai “*...Không có ý định hạ nhục Hoa Kỳ một cách quá mức. Có lẽ, có thể tìm ra được một giải pháp nào-Không phải để thay đổi cuộc diện trận chiến, vì nó đã xong, nhưng để thu xếp cho một cái chung cuộc mà..*” Một lần nữa, anh ta sử dụng những chữ này: “*Không hạ nhục Hoa Kỳ một cách quá mức.*” Tôi hỏi: “*Ông có ý nghĩ gì trong đầu vậy?*” “*À vâng.*” Anh ta nói: “**Ông biết chúng tôi đã ra Tân Sơn Nhất thảo luận với các đồng nghiệp Bắc Việt của chúng tôi. Chúng tôi có người ở Hà Nội. Tôi có cảm tưởng có lẽ chúng ta có thể tìm được một cách giải quyết trong lúc tình hình đang diễn tiến thế này - Thiệu bắt buộc phải từ chức. Hoa Kỳ cần phải tuyên bố bất can thiệp vào nội tình Nam Việt Nam, ngoại trừ việc duy trì ở đây một cơ cấu sứ quán bình thường. Và chính phủ Nam Việt Nam cần bao gồm một số người Bắc Việt có thể chấp nhận. Đây là những vấn đề chủ yếu.**” Tôi đáp: “*Vâng, tốt lắm, cảm ơn ông bạn nhiều. Đương nhiên, tôi sẽ báo cáo cuộc nói chuyện của chúng ta hôm nay. Tôi sẽ thảo luận với đại sứ chúng tôi để chuyển về Hoa Thịnh Đốn, rồi tôi sẽ gặp lại ông. Trong lúc chờ Hoa Thịnh Đốn trả lời, xin ông vui lòng đi gặp các bạn của ông một lần nữa để tìm hiểu xem ai sẽ là những người mà họ có thể chấp nhận được trong chính phủ ấy?*”

Vài ngày sau, Thiệu từ chức. Tôi trở lại gặp người bạn Hung Gia Lợi của tôi mà nói: “*Đây, tôi đã chuyển đạt và thực hiện xong điều thứ nhất của ông. Chúng tôi vẫn chưa nhận được hết câu trả lời dứt khoát. Còn ông đã có đề nghị nào về những tên người mà tôi hỏi hay chưa?*” Anh ta đáp: “*Vâng, thực ra tôi đã có. Nhưng tên người Việt, tôi dở lắm. Để tôi viết ra.*” Anh ta lấy một quyển sổ tay con, bắt đầu viết một số tên. Tôi đáp: “*Thú vị nhỉ. Tất nhiên tôi sẽ tiếp tục xúc tiến câu chuyện lần trước giữa chúng ta, tôi sẽ trở lại gặp ông.*” Nhưng anh ta nói: “*Tôi có thêm vài lời nữa từ các đồng nghiệp của tôi ở đây. Họ nói khi họ báo mọi chuyện cần phải thu xếp cho sớm, điều ấy có nghĩa là trong vòng vài ngày, chứ không phải vài tuần đâu.*” Ông đại sứ tỏ ra có thiện cảm với chuyện này. Ông nghĩ có thể chúng tôi thực hiện được một cái gì chăng. **Nhưng chúng tôi đã gặp phản ứng tiêu cực của Kissinger, là người không muốn có chuyên thương thảo gì hết.**

Đến ngày 26 hoặc 27 tháng Tư, chúng tôi gặp nhau lại, lần này anh chàng Hung Gia Lợi nói: “*Tôi nghĩ muộn quá rồi.*” Đây, tôi kể cho các bạn nghe mấy chuyện này bởi vì tôi muốn nhấn mạnh **thật ra không bao giờ chúng tôi thương thảo với đối phương, cũng không bao giờ làm điều gì đối phương đòi hỏi. Việc ông Thiệu từ chức là vì những lý do hoàn toàn khác, không liên hệ đến mấy chuyện này, nhưng tôi đã vờ vịt với họ, làm như chuyện ông Thiệu từ chức có liên hệ đến mấy chuyện ấy mà thôi.**

Thiệu từ chức ngày thứ hai 21 tháng Tư. **Ông đại sứ không yêu cầu Thiệu từ chức**, nhưng vào ngày 19 tháng Tư sau khi ông đại sứ nói chuyện với Thiệu, thì hiển nhiên Thiệu đã mất hết tin tưởng vào mọi người, vì mọi người xem Thiệu như chướng ngại vật trong cuộc dàn xếp, trong các thủ tục ngưng chiến, mọi người không có thể cựa cựa gì nếu Thiệu cứ luẩn quẩn bên cạnh.

Một bữa đại sứ gọi tôi vào văn phòng nói ông mới gặp Tổng thống Hương, Tổng thống không được thoải mái vì sự tiếp tục có mặt của Thiệu ở trong xứ. **Ông cụ Hương nghĩ sự hiện diện của Thiệu làm giảm uy quyền của ông, chừng nào Thiệu còn ở đây thì ông cụ tê liệt không làm gì được cả.** Ông cụ khẩn thiết yêu cầu đại sứ Martin lo liệu hộ vì lẽ chỉ Hoa Kỳ mới ở vị thế giúp được chuyện này. Việc đưa Tổng thống Thiệu ra khỏi xứ cần thực hiện tuyệt đối trong vòng “*Tối mật!*” Vâng, đại sứ Martin là người đầy lý trí, khi nghe cái gì “*Tối mật!*” tất ông nghĩ đến “*CIA Trung ương Tình báo,*” thế là ông hỏi: “*Anh làm được không?*” Tôi bảo “*Thưa đại sứ, tôi làm được. Với một điều kiện. Ấy là: để yên cho tôi lo. Cứ giao việc để tôi xoay sở, nhưng đừng đem cả một ủy ban dính vào đây.*” Việc này xảy ra ngày 24 tháng Tư thì phải.

Mọi sự được xúc tiến nhanh chóng ngay sau đó. Tôi biết tôi có thể thu xếp máy bay ở đâu. Tôi lấy tướng Timmes là điểm liên lạc chính. **Vào lúc này Thiệu đã rời căn nhà trong Tổng Tham mưu.** Các tướng lãnh cao cấp Việt Nam đều có nhà trong căn cứ Tân Sơn Nhất. Chúng tôi đồng ý là với một kế hoạch hành động, cũng có đôi điều cần phải quan tâm: Phải quan tâm công luận. Phải lo ngại chuyện một số quân nhân vô kỷ luật của Nam Việt Nam có thể can thiệp, vài sĩ quan cao cấp có thể manh nha trong đầu cái ý nghĩ làm lịch sử.

Cũng phải lo ngại cả chuyện cảnh sát chặn trên đường ra Tân Sơn Nhất, việc này tuy không liên quan gì đến chuyện Thiệu đi, nhưng cảnh sát thường có những điểm chặn trên đường, **nên chúng tôi phải bày việc đi dự tiệc trong căn cứ Tham mưu Liên quân. Chúng tôi lấy vài chiếc xe Mỹ kiểu tiêu chuẩn, màu đen, gồm cả xe đại sứ, xe tôi, xe phụ tá của tôi, đủ để chở từ mười đến mười hai người, kể cả các tài xế, tướng Timmes, tôi, và các hành lý- Chúng tôi dặn rõ mỗi người chỉ được mang một vali. Chúng tôi dàn xếp tất cả sẽ gặp nhau tại nhà thủ tướng Khiêm, bởi vì đây là căn nhà lớn nhất, ít bị chú ý hơn là nhà ông Thiệu. Chúng tôi đồng ý sẽ cho máy bay đi Đài Loan, nơi người anh của Thiệu làm đại sứ, như thế ông ta sẽ thu xếp được với nhà cầm quyền Đài Loan để mọi người được nhập nội.** Thủ tướng Khiêm cũng từng là đại sứ ở Đài Loan, như thế ông ta cũng có nhiều liên hệ. Khi chọn Đài Loan làm điểm đến, tôi cũng cân nhắc rằng chuyến máy bay DC-6 chỉ có thể bay xa nhất bấy nhiêu, mà khỏi cần đổ thêm xăng.

Tôi chọn vài người làm tài xế mà tôi xem như những tay bảnh nhất, đáng tin cậy và vững chãi nhất. Tôi không lựa tài xế người Việt-Frank Snapp là một trong các tài xế ấy. Tướng Timmes, vì cấp bậc của ông, không thể lái xe, tôi cũng thế, cấp bậc của tôi không cho phép tôi lái xe. Tôi kiếm một đại tá cảnh sát, cũng là đại tá quân đội, tôi nói: “Cần phải có một người với cái vẻ chỉ huy lẫm liệt.” Tôi dự phòng trường hợp lính gác hạch hỏi gì chẳng. Phòng xa thế, chứ tôi biết khi lính gác nhìn thấy bốn cái xe Mỹ do Mỹ lái thì họ sẽ bảo “Các tay tổ đây,” khi nhận ra xe Đại sứ, họ sẽ bảo “Ông đại sứ đi họp” chắc chắn thế, chả trở ngại gì, **nhưng phải có một đại tá quân đội cảnh sát để dự phòng cho vũng. Chúng tôi không biết Thiệu sẽ mang theo những ai. Chỉ biết một mình ông Thiệu sẽ đi, Khiêm sẽ đi, không biết còn ai khác. Cho nên cứ mang theo một số giấy tờ để trống, rồi tướng Charlie Timmes sẽ điền tên họ vào bằng tay.**

Chúng tôi đưa cả cho viên đại úy trên máy bay, bảo: “*Khi đến Đài Loan chúng tôi sẽ thông báo cho các giới chức quân sự Mỹ. Anh cứ yêu cầu gặp các sĩ quan cao cấp, và đưa tận tay chiếc phong bì này. Tất cả giấy tờ ở trong ấy.*” Trong lúc đó một xe khác chở đại sứ chạy thẳng đến chiếc máy bay vì đại sứ muốn đến chào tạm biệt Thiệu. Tôi nói với đại sứ: “*Tôi không muốn đi cùng một xe với đại sứ trong thành phố vì chỉ tạo thêm nhiều rủi ro phiền phức.*” Cho nên tôi nhớ chúng tôi đã đổi xe. Tất cả diễn ra chính xác như một cái đồng hồ Thụy Sĩ, cũng như khi chúng tôi thực hiện các điệp vụ. Chúng tôi đã đưa mọi người đến máy bay an toàn, vào máy bay an toàn, sau đó sẽ cất cánh an toàn.

Tôi ngồi chung xe với thủ tướng Khiêm, chứ không ngồi với Thiệu. Tôi nhớ **tướng Timmes ngồi với ông Thiệu.** Mọi người đều kiềm chế cảm xúc, không ai khóc. Gia đình họ đều đã đi cả. Thực ra, có một điều làm tôi ngạc nhiên. Tôi ngạc nhiên **vì trong tất cả các cộng sự viên thân tín gần gũi, ông Thiệu không mang theo ai, trừ thủ tướng Khiêm.** Điều này rất lạ vì chỉ mới vài năm trước tại khắp các quán cà phê ở Sài Gòn người ta si sào bàn tán chuyện chia tay giữa Thiệu và Khiêm, chuyện ông này sẽ hắt ông kia vùn vùn...Tất nhiên tôi không đánh giá cao mấy chuyện ấy vì lẽ tôi có liên hệ rất tốt với thủ tướng, tôi luôn luôn coi ông như một viên chức tận tụy trung thành với Thiệu. Tổng cộng gồm mười bốn người đi ra chuyến bay đêm ấy. Tất cả đều là đàn ông.

Tôi luôn dè chừng trường hợp có người nhận ra ông Thiệu ở các trạm kiểm soát, nhưng tôi cũng tính toán: Người ta đã quen cách di chuyển cố hữu của ông Thiệu trong thành phố bằng một chiếc xe Mercedes cũ kỹ, khác với đây là bốn chiếc xe Hoa Kỳ của toà đại sứ có bộ dạng quan trọng. Bấy giờ trời tối, việc chặn xét bốn chiếc xe Hoa Kỳ là việc ít khi xảy ra. Dẫn đầu là chiếc Chevrolet Caprice của đại sứ có vỏ chắn đạn, tôi ngồi trong xe này, có viên đại tá cảnh sát đi kèm. Mỗi e ngại nhất của tôi là lỡ ở trạm gác, cảnh sát soát căn cước, bật đèn pha soi vào chúng tôi thì sao? Như thế họ sẽ nhận ra ông Thiệu và thủ tướng. Nhưng rồi việc xảy ra là khi thấy bốn chiếc xe với bộ dạng quan trọng như thế chạy đến trạm, mấy người lính canh nghiêm chỉnh giơ tay chào. Đúng là điều tôi mong đợi. Có lần tôi đã đưa một nhân vật trọng yếu đào thoát từ Tây Bá Linh bằng một chiếc xe lớn tựa như vậy, tôi cũng tính rằng lính Liên Xô sẽ chào kính khi họ thấy chiếc xe, và quả thật họ đã làm y vậy.

Đêm hôm ấy, **Thiệu không hề đem theo vàng xuất ngoại.** Câu chuyện ấy chỉ là chuyện cứt khô! Ai diên khùng gì mà lại gói vàng bỏ lỏng lẻo trong va li, trời đất. Tôi muốn nói, tôi có một người bạn Việt Nam đã mang vàng đi, tôi biết vàng phải được bọc chặt chẽ cẩn thận, quấn bằng vải, bằng dây cao su, bằng băng keo, đủ các thứ. Có ai lại để cho vàng kêu lách cách trong hành lý bao giờ. **Thực ra số vàng dự trữ của Việt Nam vẫn ở trong xứ, khi quân Bắc Việt đến, vàng vẫn ở đấy. Số vàng dự trữ của ngân hàng quốc gia Việt Nam trị giá từ 18 đến 20 triệu mỹ kim.** (Trị giá thực sự của số vàng ấy đúng ra cao hơn nhiều, vì lý do giá

vàng chỉ được tính có 35 mỹ kim một ounce (0.28g)/ Đó là cái giá tại Việt Nam trước thời Nixon phá giá đồng mỹ kim. Còn vào năm 1975, giá vàng thực ra ở mức 170 Mỹ kim một ounce.)

Bấy giờ đã có lúc Nam Việt Nam không còn tin chỉ trên thế giới nữa, quốc hội Mỹ thì lừng khừng từ chối yêu cầu viện trợ, và như thường lệ, đại sứ Martin đã đưa ra sáng kiến nóng hổi: Ông nghĩ Nam Việt Nam nên gửi số vàng ấy sang quỹ dự trữ Liên bang Hoa Kỳ, dùng số vàng ấy ký quỹ mà mua chịu vũ khí. Vâng, Thiệu đã chấp thuận đề nghị. Tình cờ có chuyến bay chở hàng của Thụy Sĩ thuộc hãng Basel Air đang ở Sài Gòn, Nam Việt Nam thương lượng với Basel Air mang số vàng này đi dưới hình thức hàng hoá thương mại thông thường. **Mấy người Thụy Sĩ suy nghĩ một hai ngày rồi từ chối không nhận chở, vì lý do bảo hiểm.** Họ bảo không cách gì kiếm ra ai chịu bảo hiểm số 70 triệu Mỹ kim vàng ra khỏi Sài Gòn. Người ta lại phải tính đến không quân Hoa Kỳ. Việc này được đem thảo luận tại Hội Đồng An ninh Quốc gia. Chờ một tấn rưỡi vàng đối với không quân Hoa Kỳ không khó, nhưng tìm đâu ra mỗi bảo hiểm thương mại khi người ta lại sử dụng máy bay quân đội; chấm hết!

Cái củ khoai nóng luộc không trôi lại được ném lên bắp vế mấy anh trạng sư ở Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ. Suốt thời gian này đồng vàng vẫn nằm yên tại Ngân hàng Quốc gia ở Sài Gòn. **“Làm thế nào kiếm cho ra mỗi chịu bảo hiểm chuyến hàng này nếu chúng ta chờ đi bằng máy bay quân sự?”** Đó vẫn là cái đề tài làm bù đầu mấy anh trạng sư suốt mấy hôm. Trong lúc ấy Thiệu từ chức, một tốp người mới vào nắm quyền, **cụ Hương hôm đầu thì bảo ừ, chờ đi, hôm sau lại bảo đừng, đừng chờ nữa. Cuối cùng cụ kết luận thôi tốt nhất cứ giữ lấy vàng ở Sài Gòn,** bởi vì kể từ khi đại sứ Martin bắt đầu nói chuyện này, cho đến lúc ấy tình hình đã biến đổi, dầu cho có ký thác vàng để lấy vũ khí Mỹ, **vũ khí không còn đến kịp và cũng chẳng giúp ích gì nữa.** Ngoài ra họ cũng còn giữ được thể diện khi để lại số vàng ở trong xứ. Như thế, số vàng đã được để lại.

Đêm hôm ấy, cũng là đêm tôi dự buổi dạ tiệc quốc tế cuối cùng ở Sài Gòn. Buổi dạ tiệc được tổ chức tại tư thất đại sứ Ba Lan nhân dịp giới thiệu viên Trưởng ngành chính trị Ba Lan với các ngoại giao đoàn. Mọi người đều có mặt. Tất cả các đại sứ còn ở tại Sài Gòn đều được mời, và ông Ba Lan mới đến nói ông ta rất mong mỗi gặp tôi. Ông ta bảo rõ rệt chúng tôi đang ở vị trí lưỡng tương hoá chuyển, ông ta muốn biết quan điểm của tôi đối với tình hình. Chúng tôi bèn hẹn nhau một buổi ăn trưa vào một tuần lễ sau ngày hôm ấy. Ngày ấy sẽ là nhằm ngày mừng một tháng năm! Giữa tất cả những chuyện trông ngóng, tôi đã trông ngóng đến ngày mừng một tháng Năm ấy để gặp mặt ông bạn đồng nghiệp người Ba Lan của tôi!

Đại sứ Martin không phải là người thích tiệc tùng, nhưng trong trạng thái bồn chồn của thành phố đêm hôm ấy, ông bảo: *“Tôi sẽ đi dự, nhưng đi riêng xe nhé.”* Vì vậy tôi quay trở lại căn phòng gửi một điện văn. Điện văn này tôi đã viết sẵn, chỉ cần dùng điện đài để đánh mật mã mà phụ tá của tôi và tôi đã giao ước trước. Suốt một ngày làm việc, đây là tất cả những gì tôi cảm thấy sau khi hoàn tất việc đưa ông Thiệu ra đi.

Ngày rời Sài Gòn là ngày tôi buồn rầu cùng cực, chỉ thiếu điều muốn sụm. Đoạn kịch cuối mở màn ngày thứ hai. Chiều thứ hai là một buổi chiều rất xấu. Dương Văn Minh nhậm chức đêm hôm ấy. Ông vừa đọc xong bản diễn văn nhậm chức, thì giông bão khủng khiếp ập đến Sài Gòn. Mưa rơi xối xả. Những cơn mưa đến sớm, lúc ấy chưa đến mùa mưa. Rồi xảy ra vụ chiếc phi cơ phản nghịch, tức là chiếc phi cơ Mỹ với bình xăng phụ 50 ga-lông do mấy phi công dưới sự điều động của Bắc Việt dội bom lên Tân Sơn Nhất. Lúc ấy chúng tôi còn ở tại văn phòng. Mặc dầu đã khoảng bảy giờ đêm, chúng tôi vẫn còn ở đấy vì lúc này Sài Gòn ban đêm chẳng có gì khác để làm, thứ nữa Sài Gòn và Hoa Thịnh Đốn cách nhau mười hai tiếng, lúc ấy buổi sáng ở Hoa Thịnh Đốn, chúng tôi cố chuyển càng nhiều điện văn càng tốt, để khi bắt đầu làm việc, Hoa Thịnh Đốn đã có đủ thông báo của chúng tôi.

Khi nghe tiếng nổ, chúng tôi đâm bổ xuống núp dưới gầm bàn. Bấy giờ, tôi nhớ tôi đang ở trong phòng viên Trưởng ban Truyền tin. Nhân viên truyền tin là những người lo phụ trách các báo cáo tình báo để gửi đi bằng điện đài. Chúng tôi rất thận trọng việc soạn thảo các điện văn này, luôn luôn sử dụng Anh ngữ một cách văn vẻ, sửa chữa kỹ càng, dù phải vội vã trong các trường hợp khẩn cấp, y như các phóng viên nhà báo vậy. Lúc ấy chúng tôi đang lom khom núp dưới gầm bàn, tôi sẽ không bao giờ quên kỷ niệm này: Một cô nhân viên truyền tin xinh đẹp hấp dẫn nhồm lên, kéo cái máy chữ xuống, cô ta bắt đầu đánh: *“Sài Gòn gửi Hoa Thịnh Đốn, bản báo cáo tình hình lúc 19 giờ địa phương. Một vụ pháo kích không xác định được xuất xứ đang phát nổ trong thành phố. Vụ pháo kích đang tiếp diễn quanh chúng tôi, vẫn chưa có ai biết chuyện gì xảy ra!”* Không bao lâu, chúng tôi xác định được chuyện ấy. Chúng tôi chắc chắn đây là câu trả lời của quân đội Bắc Việt phản ứng lại bài diễn văn nhậm chức của ông Minh. Trong bài diễn văn này, ông ta nói ông sẽ tiếp tục

chiến đấu, nói đủ thứ làm nhảm mà một tháng trước đây ông ta không hề nói. Tôi nghĩ cái hình ảnh chính xác để mô tả ông là hình ảnh một người không đủ tài cán được đặt vào một chức vụ quá khả năng, làm mọi người phải mệt với sự bất lực của ông ta.

Trong tuần lễ cuối cùng, Sài Gòn vẫn sinh hoạt tốt đẹp mặc dầu có trận không kích xảy ra. Điện, điện thoại, thực phẩm vẫn đầy đủ, có lẽ chỉ hơi thiếu chút rau xà-lách. Tối ấy tôi đi ngủ muộn, bốn giờ rưỡi sáng đã bừng dậy vì lại có tiếng nổ, lần này nổ lớn dữ dội. Tôi điện thoại cho nhân viên trực của tôi ở toà đại sứ, một nhân viên tình báo; ở đây, ngoài lính Thủy quân Lục chiến, chúng tôi luôn có hai nhân viên trực suốt ngày đêm. Tôi hỏi anh biết có chuyện gì xảy ra không? Anh ta nói lúc ấy chưa biết rõ, nhưng có pháo kích vào Tân Sơn Nhất, Thủy quân Lục chiến đã trèo lên nóc nhà nhìn thấy có lửa cháy, anh ta đã liên lạc văn phòng Tùy viên Quân sự, họ cũng chưa biết gì đích xác. Nhưng đã có một số thiệt hại đáng kể, hai lính Thủy quân Lục chiến tử thương. Tôi bảo: *“Được rồi, tình trạng nghe có vẻ tệ, nhưng có anh đang ứng trực ở đây là tốt lắm.”* Tình cờ, chính nhân viên này cũng là sĩ quan trưởng phòng tài chánh. Tôi bảo: *“Sửa soạn mấy cái hồ sơ khởi hành.”* Hồ sơ khởi hành là những phong bì có đựng một số chỉ dẫn, số điện thoại của những toà đại sứ Mỹ các nơi và tại vùng Đông Á. Mỗi phong bì được bỏ vào số tiền 1500 đô la bằng mỹ kim và bằng một số ngoại tệ các nước khác. Mỗi người sẽ được trao tay một phong bì này để phòng vệ an toàn, dự phòng trường hợp thất lạc. Tôi bèn nói với anh nhân viên trực: Tôi sẽ đến toà đại sứ ngay.

Tôi là người đến sớm nhất. Lúc ấy Thủy quân Lục chiến đã nhận thêm báo cáo từ văn phòng Tùy viên Quân sự. Dựa vào đây tôi cảm thấy toà đại sứ cần phải được huy động. Tôi điện thoại cho Đại sứ, tôi nói: *“Rất tiếc phải gọi Đại sứ vào giờ này- Ông còn có thể được ngủ đến hơn 3 tiếng đồng hồ nữa. Nhưng tôi nghĩ Đại sứ cần phải vào gấp.”* Ông Đại sứ bảo ông sẽ vào. Lúc ấy, chúng tôi có một hệ thống tổ chức: cứ một người gọi bốn người, mỗi người lại phải liên lạc gọi bốn người khác v.v...Nên tôi bắt đầu huy động mọi người qua hệ thống này. Buổi sáng sớm hôm ấy, tình trạng sức khỏe của Đại sứ rất bết bát. Ông đau ốm khắc khừ, và sau này, lúc lên đến chiến hạm, người ta mới khám ra là ông bị viêm phổi. Giọng ông khản đặc, khà khà không ra tiếng. Tinh thần bị kích động trăm phần trăm. Khi Kissinger gọi điện thoại, Martin không nói nổi, ông thì thà thì thào rồi tôi phải nhắc to lên cho Kissinger nghe rõ. Đại sứ đã ra tận phi trường Tân Sơn Nhất, bởi vì ông ta là Graham Martin mà, bạn hiểu không, mặc dù đã có đến mấy ông tướng Không quân phụ trách ngoài phi trường, ông vẫn không chịu tin các lượng giá của họ về việc phi cơ không còn đáp xuống được nữa. Ông đòi phải đích thân đến phi trường xem xét rồi mới chịu!

Ngày hôm ấy khi trời sáng, ngoài Đệ Thất Hạm đội các phi công đã sẵn sàng, trực thăng xăng nhớt đầy đủ, mọi người chuẩn bị xong. Nhưng chừng tám giờ rưỡi, chúng tôi lại được bảo không đi tản nữa! Họ bảo chúng tôi sẽ phải thu hẹp số nhân viên, nhưng vẫn giữ toà Đại sứ ở Sài Gòn. Họ bảo nhân số toà đại sứ sẽ còn lại 180 người, trong số ấy 50 người sẽ là nhân viên tình báo, nhóm nhân viên tình báo này có nhiệm vụ phụ trách toàn bộ các đường truyền thông của toà đại sứ. Họ bảo các trưởng ban, trưởng phòng khác sẽ nhận lệnh sắp xếp: kinh tế 8 người, chính trị 16 người, y tế, tài chánh, hành chánh...do nơi Hoa Thịnh Đốn xếp đặt. Người ta đoán chừng lệnh này do Kissinger chuyển đến ông đại sứ. Tôi không bao giờ nhìn thấy lệnh ấy trên văn tự, nhưng lệnh ấy được chuyển đến tôi sáng hôm ấy do đại sứ nói. Do đó tôi về văn phòng, tập họp các nhân viên cao cấp của tôi, lúc ấy tôi còn chừng 250 nhân viên tình báo tại chỗ. Tôi nói: *“Quý bạn, chúng ta sẽ rút nhân số xuống 50 người, và sẽ phải đương đầu với một số lượng truyền thông nhiều hơn thường. Nào, bây giờ tính thử 50 người nào sẽ ở lại, bắt đầu là tôi!”* Chuyện này không dễ dàng như thay lính Thủy quân Lục chiến bởi lẽ nhiều khi nhân viên tình báo không thể hoán chuyển. Mỗi người có những khả năng chuyên biệt. Người là nhân viên truyền tin. Người là nhân viên điều hành. Người là phân tích viên.

Tôi lại cần người với các khả năng ngoại ngữ khác nhau. Tôi cần phải giữ vài người nói được tiếng Việt. Phải có vài người nói được tiếng Ba Lan, để giao dịch với nhân viên Ba Lan tại ủy hội Quốc tế Kiểm soát Đình chiến. Về tiếng Hung Gia Lợi thì khỏi lo, chẳng ai khác ngoài tôi nói được thứ tiếng này. Cứ như thế, suốt mấy tiếng đồng hồ loay hoay xếp đặt. Lại còn phải cân nhắc trường hợp những người đã mãn hạn, có người sắp được hồi hương vào tháng năm, cho dù anh ta mãi đến tháng Bảy mới mãn hạn, cũng không nên giữ anh ta lại. Có người gặp tình trạng gia đình. Nhiều thứ phải cân nhắc, không dễ giống như hồi năm 1954 ở Hà Nội, toà lãnh sự Mỹ và các nhân viên ở đây dù không bị giữ làm con tin, nhưng họ đã tự phong tỏa, tự khoá cửa và phải ở trong khuôn viên hàng mấy tháng, không liên lạc được với ai.

Cái khẩu lệnh ấy cũng đã được chuyển ra ngoài hạm đội: Toà Đại sứ sẽ ở lại. Tư lệnh hạm đội, đề đốc Noel Gayler, tất nhiên không phải là chuyên viên phân tích chính trị. Nghe thế, ông ta bèn nói *“Vậy à, toà*

Đại sứ ở lại. Phi công! Trở về giường mà phè một giấc!" Thế là xăng lại được hút khỏi trục thẳng, vì người ta không được phép chứa trục thẳng có xăng ở trên tàu. Người ta lại phải chuyển trục thẳng khỏi sàn máy, đưa xuống tầng dưới.

Bấy giờ là 9 giờ sáng, hoặc giả trễ hơn một chút. Rồi đến 11 giờ 30, cuối cùng lại có lệnh ban ra: Tất cả mọi người phải di tản. Tôi không rõ lệnh này chuyển đến đề đốc hạm đội lúc nào. Đại sứ Martin nhận lệnh lúc 11 giờ 30. Xem như cố vấn an ninh Brent Scrowcroft phải thông báo Ngũ Giác đài, nhưng bấy giờ là đang đêm ở Hoa Thịnh Đốn, có lẽ người làm việc không có mặt. Tôi không rõ đề đốc nhận lệnh ấy lúc mấy giờ. Sau này tôi hỏi ông ta trên chiến hạm: "*Chuyện gì xảy ra vậy?*" Ông ta đáp: "*Chẳng có chuyện gì. Khi nhận tin di tản, tôi cho trục thẳng đổ xăng, tôi gọi phi công, rồi lại được yêu cầu phải gửi một lực lượng an ninh Thủy quân Lục chiến vào Sài Gòn trợ giúp di tản, nhưng lính không có mặt trên những tàu chở trục thẳng. Vì thế lại phải lo đưa lính từ khắp các tàu khác đến mấy chiếc tàu chở trục thẳng. Mấy công tác ấy phải tốn thì giờ.*" Nếu bạn hỏi, tôi sẽ nói: Tôi chả ngạc nhiên gì việc này. Tôi rất hoài nghi khả năng quân đội Hoa Kỳ khi cần đương đầu tình trạng khẩn cấp. Họ làm việc kiểu con rùa hành chánh: chậm chạp, lè phè. Láy đáy mà xem, họ đã được thông báo tình hình Sài Gòn như vậy từ hai giờ trước, mà lính không đặt gần những tàu chở trục thẳng, lại đưa tản mác trên những con tàu rải rác khắp mặt biển, thế là làm sao!

Còn một việc nữa cũng không được dự liệu trước. Đó là việc một khi tin tức người Mỹ rời Việt Nam truyền ra, là đồng đảo người ta sẽ tụ khắp chung quanh toà đại sứ, việc di chuyển sẽ trở nên vô phương. Do đó làm sao còn có thể sử dụng xe hơi, xe buýt chở người qua lại giữa toà đại sứ và văn phòng Tùy viên Quân sự được, vì hễ mở cổng đủ rộng cho xe đi thì dân chúng sẽ như cuồng phong tràn vào. Buổi sáng hôm ấy, chúng tôi bắt đầu thiêu hủy tài liệu. Trung ương Tin báo có một thể lệ rất tốt, đó là tất cả hồ sơ đều phải có một phó bản giữ ở Hoa Kỳ, cho nên nếu có một trạm tình báo nào mất hồ sơ thì chẳng hề gì, chỉ mất công chút đỉnh. Vì vậy chúng tôi tiêu hủy tất cả, chúng tôi đi khắp các văn phòng một cách có phương pháp để phá bỏ bất cứ tài liệu nào về những người Việt có liên hệ chặt chẽ với chúng tôi.

Về cái cây me nổi tiếng thì trong tất cả những buổi họp ở toà Đại sứ, qua mọi cuộc thảo luận, tôi chưa hề nghe ai nói, bàn gì về chuyện cưa cái cây này xuống. Tôi có nhiều tình cảm với cái cây me này chỉ vì đấy là một biểu hiệu đẳng cấp trong toà đại sứ: Dưới cái cây là một bãi đậu xe, đậu dưới bóng cây thì mát mẻ, đậu ngoài nắng nhiệt độ như lò lửa. Cho nên được đậu xe dưới bóng cây me ấy tức là biểu hiệu đẳng cấp cao của toà đại sứ! Nhưng trang nghiêm mà nói, chưa bao giờ tôi nghe cái cây này có liên hệ gì đến chuyện di tản. Còn hiển nhiên, chúng tôi sẽ phải mang trục thẳng lớn vào bãi đậu xe, cái cây này mọc chính giữa bãi đậu, tất là sẽ phải hạ cái cây thế thôi.

Sáng hôm sau, khi đại sứ đã ra đi, không có chuyện gì để tôi ở lại nữa. Còn các nhân viên truyền tin của tôi không thể đi nếu tôi hãy còn nấn ná ở lại. Viên phụ tá của tôi và mấy người khác cũng bảo nếu tôi còn ở đấy, họ cũng chưa chịu đi. Tôi xếp đặt cho mọi người ra đi theo các thứ tự cần thiết, nói thế không phải là giảm giá người này người nọ, nhưng có người công việc đã xong thì đi trước, ví dụ nhân viên truyền tin không còn gì để làm nữa, những người phụ trách công tác vùng I, II, III cũng thế, các nhân viên hành chánh và quản trị nhân viên cũng có thể đi trước. Nhưng nhân viên lo việc vùng châu thổ vẫn còn cần, vì tôi chưa rõ hết tình hình vùng IV ra sao.

Theo phương pháp ấy tôi quyết định ai đi, đi lúc nào, mọi sự trôi chảy, không gặp phiền phức, không bị tràn ngập. Tuyệt đối tốt. Tuyệt đối không trở ngại gì. Có lẽ những chuyện cuối cùng đáng kể là chuyện chúng tôi kéo người Việt ở bên ngoài vào toà đại sứ qua bức tường. Lúc ấy quanh toà đại sứ có cả vạn người, đứng số là như vậy, với đám đông vây quanh, thật khó cho người ta đến gần toà đại sứ. **Nhưng bên ngoài còn có những người mà chúng tôi bắt buộc phải đưa họ di tản, ví dụ người trưởng ngành tình báo, ông phụ tá Cảnh sát Đặc biệt mà thực tế là Cảnh sát Chính trị. Vợ và con của Trung tướng Tổng cục Trường Chiến tranh Chính trị. Ông Tổng Trưởng Quốc phòng Trần Văn Đôn. Ông Trưởng ban Nghi lễ và Gia đình.** Tất cả đều ở ngoài toà đại sứ. Làm sao chúng tôi có thể mang họ di tản đây? Tôi không còn thể nào liên lạc được với họ. **Nhưng phần ông Đôn cũng thu xếp vào được một chiếc trục thẳng đậu đại trên một nóc cao ốc** (nóc nhà này không được xây cất để trục thẳng đáp, riêng đây tự nó cũng là một câu chuyện).

Còn một số người khác khoẻ mạnh, quả quyết hơn, lần được đến rào, chúng tôi nhắc bổng được họ, đưa vào toà đại sứ. Bấy giờ trong đám đông bên ngoài có một số sĩ quan quân đội mà chúng tôi đã thỏa thuận: Nếu họ đưa vào được một số người mà chúng tôi muốn, thì sau cùng chúng tôi sẽ kéo họ vào cho họ đi. Chúng tôi

cũng tìm được cách chuyển người đi qua đường phố Sài Gòn bằng cách giao dịch, thỏa thuận với cảnh sát, chúng tôi bảo họ: “Cho gia đình các ông vào cùng với mấy người này, chùng nào các ông đưa được họ vào máy bay hay xe buýt an toàn, chúng tôi sẽ bốc các ông đi luôn.”

Những cuộc gặp đặt với cảnh sát có vẻ thân hữu hơn vì chúng tôi biết họ, tin họ, họ cũng tin cậy chúng tôi. Buồn cười nhất là vào ngày cuối cùng, người ta đã đưa một nhóm người di tản như thế bằng cả một đoàn xe mô tô màu trắng oai vệ của liên đoàn an ninh phủ tổng thống, nối đuôi nhau đi. Tại sân toà Đại sứ, chúng tôi dùng xe hơi cho châu đầu vào phía giữa để khi trời tối thì chạy máy, rọi đèn pha lên, rồi cứ để như thế, hễ còn xăng, còn bình điện thì còn ánh sáng. Rồi có lệnh chúng tôi phải đi và ông Đại sứ cũng được bảo: “Ngài phải vào chiếc máy bay này.” Còn chúng tôi, lúc đầu họ bảo trực thăng đậu dưới sân, tất cả chúng tôi xuống thang nhưng không thấy trực thăng đâu vì họ đã đổi chương trình, rồi họ lại bảo: “Trực thăng sẽ bốc từ nóc sân thượng.”

Tôi không có một gợn bó tình cảm nào quá lớn đối với Việt Nam như vài ban đồng nghiệp của tôi đã quả tình yêu mến đất nước này. Nhưng đến giây phút cuối, nhìn thấy chung cuộc xảy ra thế ấy, tôi nghĩ chúng ta đã làm một việc tội tàn đối với dân tộc này, đáng lẽ họ được khá hơn nếu đừng bao giờ chúng ta đến đây. Ngay từ lúc đầu. Khi chúng tôi ra đi, trời đã rất tối. Phía Tân Sơn Nhất thấy vài đám cháy, nhưng nói chung ban đêm thành phố vẫn có vẻ bình thường. Đường vẫn sáng đèn, xe cộ vẫn sáng đèn. Thực kỳ dị, đó là một điều lạ lùng trong những ngày cuối cùng. Không phải chỉ những ngày cuối cùng mà suốt cả mấy tuần lễ cuối cùng, mọi sự đều có vẻ không thực, bởi vì tất cả vẫn cứ hiện ra một vẻ rất bình thường. Nó không giống như cuộc vây hãm ở Warsaw, bạn hiểu không. Một ngày trước hôm sụp đổ, bạn vẫn còn có thể ra nhà hàng kéo ghế, còn thưởng thức được một bữa thịnh soạn, vẫn có thể ngồi nhấm nháp một cốc rượu vang ngon lành.

Không có ai nã đạn khi chúng tôi ra đi. Đó là một chuyện khác nữa. Người Bắc Việt là những người có lý trí. Họ không giống những người Hồi giáo cực đoan cuồng tín. Họ không đại gì tạo ra một biến cố nào nữa để có cớ cho người Mỹ can thiệp trở lại; và nếu họ sát hại ông Đại sứ, việc này sẽ trở thành đại sự, ngay cả đối với quốc hội.

Việc tiếp nhận chúng tôi trên tàu Blue Ridge chứng tỏ quân đội Mỹ là hạng bét. Họ bắt đầu lục soát hết thầy mọi người. Tôi nghĩ có lẽ Đại sứ là người duy nhất họ không lục soát. Vào lúc bình thời, cấp bậc của tôi còn trên xa cả đề đốc chỉ huy chiến hạm. Nhưng không một ai phản đối gì. Chúng tôi đều mệt mỏi. Chúng tôi đều trầm lại. Và chúng tôi quả là một đoàn quân chiến bại.